

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 4 - 2024.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Chu Văn Sín.
- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Mùi N, sinh năm 19xx, "Có mặt";
Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng.
- Bị đơn: Anh Lý Văn P, sinh năm 19xx, "Vắng mặt".
Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, chị Lý Mùi N trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N và anh P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 15/4/2014. Từ năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không sinh được con chung và chị N đã sống ly thân với anh P. Năm 2016, chị Nhất đã có đơn xin ly hôn và tại Bản án số 03/2016/HNGĐ-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Ng đã bác đơn xin ly hôn của chị. Mặc dù vậy, trong thời gian sống ly thân từ năm 2015 đến nay thì vợ chồng không còn quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- **Về con chung:** Trong hôn nhân vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lý Văn P vắng mặt không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản làm việc ngày 13/12/2023, bà Triệu Mùi M là mẹ đẻ của chị N và anh Lý Mùi C là em trai ruột của chị Lý Mùi N cung cấp thông tin: Vào khoảng năm 2015, chị N đã về nhà mẹ đẻ tại xóm Đ, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng để sinh sống và sống ly thân với anh P cho đến nay. Trong thời gian chị N sống ly thân thì anh P chưa một lần nào hỏi han, quan tâm đến chị N. Cha mẹ đẻ chị N đã nói chuyện với mẹ đẻ anh P, nhưng anh P cũng không có ý định đoàn tụ với chị N. Chị N và anh P không có tài sản chung; không có nợ chung.

4. Tại biên bản làm việc ngày 28/12/2023, ông Lý Văn L là cha đẻ của anh Lý Văn P cung cấp thông tin: Trong thời gian anh P, chị N chưa ly thân thì hai vợ chồng họ cũng có xảy ra cãi chửi nhau, sau đó chị N bỏ nhà đi không về; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P thì anh P có nhận được; trong thời gian chị N bỏ nhà đi cho đến nay thì chị N và anh P cũng không còn quan tâm, không liên lạc, hỏi han nhau nữa; anh P không hàn gắn tình cảm với chị N, giữa chị N và anh P không có con chung.

5. Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2023, ông Đặng Văn H là trưởng thôn K, nơi anh P cư trú cung cấp thông tin: Chị N lấy anh P vào năm 2012 và năm 2014 thì chị N bỏ nhà đi khỏi địa phương cho đến nay, Sau khi chị N bỏ nhà đi cho đến nay thì chị N không về nhà thăm chồng và anh P cũng không hỏi thăm chị N. Trong hôn nhân anh P và chị N chưa có con chung.

6. Tại văn bản số 27/UBND – TP ngày 30/01/2024 của UBND xã M cung cấp thông tin: Anh Lý Văn P và chị Lý Mùi N có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 15/4/2012. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng họ không xảy ra mâu thuẫn, đánh đập, chửi mắng, xúc phạm nhau. Hiện nay, hai vợ chồng họ đã sống ly thân từ năm 2015 và hai vợ chồng họ không gặp gỡ hỏi han chăm sóc nhau.

Do bị đơn Lý Văn P không thực hiện các văn bản tố tụng của tòa án nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện N quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Lý Mùi N được ly hôn với anh Lý Văn P.

+ Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị Lý Mùi N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lý Mùi N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ án “ly hôn” với anh Lý Văn P có địa chỉ nơi ở hiện nay là thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bị đơn là anh Lý Văn P vắng mặt không có lý do. Người tham gia tố tụng có mặt và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử quyết định phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về Quan hệ hôn nhân: Chị Lý Mùi N và anh Lý Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 15/4/2012. Trong hôn nhân, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không sinh được con chung, nên từ năm 2015 đến nay chị N đã sống ly thân với anh P tại nhà cha mẹ đẻ của chị N. Năm 2016 chị N đã có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P và Bản án số 03/2016/HNGĐ-ST ngày 06/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N đã bác đơn xin ly hôn của chị N. Tuy vậy, trong thời gian sống ly thân từ 2015 cho đến nay, hai vợ chồng vẫn không quan tâm, hỏi thăm, chăm sóc đến nhau nữa. Mặc dù vậy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị N, anh P đoàn tụ nhưng anh P không tham gia phiên hòa giải và chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh P vắng mặt, không có yêu cầu phản tố. Trên cơ sở đó xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Mùi N với anh Lý Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong hôn nhân vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bản thân người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh P là có căn cứ theo quy định tại 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong hôn nhân, chị N và anh P không có con chung nên không được đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không được đặt ra để xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc bị đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[4] Về án phí: Chị Lý Mùi N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lý Mùi N với anh Lý Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Mùi N được ly hôn với anh Lý Văn P.

Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.


2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Mùi N phải chịu 300.000,^d(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,^d (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000423, ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lý Mùi N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lý Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được giao nhận bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các Đương Sự;
- VKS nhân dân huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- THADS;
- UBND xã M;
- Lưu HSVA, VP  .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

TRẦN QUANG HÒA